

Bản án số: 42/2023/KDTM-ST

Ngày: 29/11/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Dung

Bà Tạ Thị Thà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 30 tháng 10 và 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 39/2013/TLST-KDTM ngày 01/11/2013 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-KDTM ngày 22/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2013/QĐST-KDTM ngày 21/3/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 19/2023/TB-TA ngày 02/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-KDTM ngày 29/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-KDTM ngày 28/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2023/QĐST-KDTM ngày 25/8/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 33/2023/QĐST-KDTM ngày 25/9/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 38/2023/ QĐST-KDTM ngày 30/10/2023, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng S (S);

Trụ sở: phố Đ, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu H - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Minh T - Giám đốc Khối Quản lý và Xử lý nợ có vấn đề Ngân hàng S (theo Văn bản ủy quyền số 409.1/VBUQ-TGD ngày 19/7/2023).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Văn H, bà Vũ Thị T (theo Giấy ủy quyền số 653/2023/UQ-SHB ngày 30/10/2023 (có mặt ông H).

Bị đơn: Công ty L;

Trụ sở: Phòng B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phùng K - Giám đốc (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1957; Nơi cư trú: xóm Đ, thôn x, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: ông **Vũ Hồng T3**, sinh năm 1977; địa chỉ: phố Q, phường L, quận B, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 26/11/2013) (có mặt).

- Bà **Danh Thị K**, sinh năm 1956; (vắng mặt);

- Anh **Nguyễn Hữu T1**, sinh năm 1981 (vắng mặt);

- Chị **Đinh Thị H**, sinh năm 1983 (vắng mặt);

- Cháu **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 2006; cháu **Nguyễn Ngọc Ngân D**, sinh năm 2008; cháu **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 2010 (do anh Nguyễn Hữu T1, chị Đinh Thị H là người đại diện theo pháp luật) (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: xóm Đ, thôn x, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- Bà **Hữu Thị L1**, sinh năm 1965; Nơi cư trú: xóm B, thôn y, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội;

- Bà **Hữu Thị Y**, sinh năm 1973; Nơi cư trú: xóm Đ, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1, bà Y: ông **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1985; địa chỉ: phố Q, phường L, quận B, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền số công chứng 2292.2020 ngày 26/5/2020) (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị T2 (Hữu Thị T2)**, sinh năm 1963; Nơi cư trú: xóm Đ, thôn z, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là Ngân hàng S (S) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/3/2012 Ngân hàng S Chi nhánh Hà Nội và Công ty L ký kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 5L43/HĐHM-PN/SHBHN, gồm các nội dung: số tiền vay tối đa theo hạn mức là 3.000.000.000 đồng; thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; lãi suất trong hạn: tùy thuộc vào từng thời điểm giải ngân vốn vay và phương án sử dụng vốn cụ thể của bên vay, lãi suất được áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty L vay tổng số tiền là 1.800.000.000 đồng thông qua 02 khế ước nhận nợ:

Khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 5/12/2012: số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng; phương thức rút vốn: bằng chuyển khoản; mục đích sử dụng

vốn: vay vốn thanh toán hợp đồng mua bán số 1011/2012-HL ngày 10/11/2012 với bên bán là công ty cổ phần Blue Way; thời hạn vay: 04 tháng, ngày rút vốn: 05/12/2012; lãi suất cho vay: 13%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ mức lãi suất cao nhất trả lãi sau kỳ hạn 06 tháng của SHB tại thời điểm điều chỉnh + tối thiểu 6,1%/năm.

Khế ước nhận nợ số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012: Số tiền nhận nợ: 1.300.000.000đ; phương thức rút vốn: bằng chuyển khoản; mục đích sử dụng vốn: vay vốn thanh toán hợp đồng mua bán số 1112/2012-QO ngày 11/12/2012 với bên bán là công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Quốc Oai; thời hạn vay: 04 tháng, ngày rút vốn: 22/12/2012; lãi suất cho vay: 13%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ mức lãi suất cao nhất trả lãi sau kỳ hạn 06 tháng của SHB tại thời điểm điều chỉnh + tối thiểu 6,1%/năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên gồm:

Ngân hàng S chi nhánh Hà Nội và ông Hoàng Thế N, bà Bùi Thị P ký kết hợp đồng thế chấp số 00972.10 ngày 12/4/2010, các Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 18/11/2010 và ngày 29/2/2012 tại Văn phòng công chứng Vạn Xuân, với nội dung: ông N, bà P thế chấp toàn bộ quyền sở hữu căn hộ tại địa chỉ Phòng 1202 CT4C X2, khu nhà ở B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND quận Hoàng Mai cấp ngày 16/3/2009 cho bà Nguyễn Thị Thanh H đã đăng ký sang tên tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Hoàng Mai cho ông Hoàng Thế N ngày 25/8/2009. Ngày 14/4/2010 đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Hoàng Mai.

Ngân hàng S chi nhánh Hà Nội và ông Nguyễn Hữu T ký kết hợp đồng thế chấp số 01606.10 ngày 31/5/2010 và các Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 18/11/2010 và ngày 29/2/2012 tại Văn phòng công chứng Vạn Xuân, với nội dung: ông T thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ xã C, huyện Q, Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 451736 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 20/8/2002 cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Hữu T đứng thừa kế thừa đất số 374, diện tích 611m² thuộc tờ bản đồ số 8 theo biên bản hợp gia đình đã được UBND xã Cộng Hòa xác nhận ngày 15/3/2010 và được Phòng tài nguyên và môi trường huyện Quốc Oai chấp thuận sang tên ngày 5/4/2010. Ngày 01/6/2010 đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 25/3/2013. Tính đến ngày 25/12/2022 Công ty L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền như sau: Khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 5/12/2012: đã thanh toán: tiền gốc là 60.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 9.756.105 đồng, phí phạt chậm trả 44.421 đồng; còn phải trả: tiền gốc là 440.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 12.564.758 đồng, tiền lãi quá hạn là 878.418.250 đồng, tổng cộng là 1.330.983.008 đồng. Khế ước nhận nợ số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012: đã thanh toán: tiền gốc 0 đồng, tiền lãi trong hạn là 15.961.096 đồng, phí phạt chậm trả là 3.530đồng; còn phải trả: tiền gốc là

1.300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 42.073.041 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.699.092.500 đồng, tổng là 4.041.165.541 đồng. Tổng số tiền của 2 khế ước nhận nợ mà Công ty L đã trả Ngân hàng S gồm: gốc là 60.000.000 đồng, lãi trong hạn là 25.717.201 đồng, phí phạt là 47.951 đồng, tổng là 85.765.152 đồng. Tổng số tiền Công ty L còn nợ Ngân hàng S tính đến ngày 25/12/2022 tổng cộng là 5.372.148.549 đồng, gồm: nợ gốc là 1.740.000.000 đồng, lãi trong hạn là 54.637.799 đồng, lãi quá hạn là 3.577.510.750 đồng.

Ngày 12/8/2013 Ngân hàng đã giải chấp 01 tài sản đảm bảo là căn hộ 1202 CT4C X2, khu nhà ở B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội của ông N, bà P. Nay Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty L phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 5L43/HĐHM-PN/SHBHN ngày 12/3/2012 và 02 khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN và số 5L43/KU10/SHBHN tạm tính đến ngày 25/12/2022 là 5.372.148.549 đồng, gồm: nợ gốc là 1.740.000.000 đồng, lãi trong hạn là 54.637.799 đồng, lãi quá hạn là 3.577.510.750 đồng.

- Tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp Công ty L không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất tại địa chỉ xã C, huyện Q, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 461736 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 20/8/2002, số vào sổ 00522QSĐĐ cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ, sang tên ông Nguyễn Hữu T ngày 05/4/2010 tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện Quốc Oai.

- Nếu số tiền thu được từ kê biên, phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ thì Công ty L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ và phải dùng tài sản khác để trả nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn là Công ty L do người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Phùng K trình bày: Ngày 12/3/2012 Công ty L và Ngân hàng S chi nhánh Hà Nội ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 5L43/HĐHM-PN/SHBHN, gồm các nội dung: số tiền vay tối đa theo hạn mức là 3.000.000.000 đồng; thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; lãi suất trong hạn: tùy thuộc vào từng thời điểm giải ngân vốn vay và phương án sử dụng vốn cụ thể của bên vay, lãi suất được áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty L vay tổng số tiền là 1.800.000.000 đồng thông qua 02 khế ước nhận nợ:

Khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 5/12/2012: số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng; phương thức rút vốn: bằng chuyển khoản; mục đích sử dụng vốn: vay vốn thanh toán hợp đồng mua bán số 1011/2012-HL ngày 10/11/2012 với bên bán là công ty cổ phần Blue Way; thời hạn vay: 04 tháng, ngày rút vốn: 05/12/2012; lãi suất cho vay: 13%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi

suất huy động tiết kiệm VNĐ mức lãi suất cao nhất trả lãi sau kỳ hạn 06 tháng của SHB tại thời điểm điều chỉnh + tối thiểu 6,1%/năm.

Khế ước nhận nợ số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012: số tiền nhận nợ: 1.300.000.000 đồng; phương thức rút vốn: bằng chuyển khoản; mục đích sử dụng vốn: vay vốn thanh toán hợp đồng mua bán số 1112/2012-QO ngày 11/12/2012 với bên bán là công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Quốc Oai; thời hạn vay: 04 tháng, ngày rút vốn: 22/12/2012; Lãi suất cho vay: 13%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ mức lãi suất cao nhất trả lãi sau kỳ hạn 06 tháng của SHB tại thời điểm điều chỉnh + tối thiểu 6,1%/năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty L là quyền sở hữu căn hộ tại địa chỉ Phòng 1202 CT4C X2 B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND quận Hoàng Mai cấp ngày 16/3/2009 cho bà Nguyễn Thị Thanh H đã đăng ký sang tên tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Hoàng Mai cho ông Hoàng Thế N ngày 25/8/2009 và Quyền sử dụng đất tại địa chỉ xã C, huyện Q, Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 451736 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 20/8/2002 cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ, sang tên ông Nguyễn Hữu ngày 5/4/2010 tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện Quốc Oai.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty gặp nhiều khó khăn nên không trả nợ đầy đủ, đúng hạn. Công ty L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền như Ngân hàng đã tính là 85.765.152 đồng, trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng. Do Công ty L gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng để trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông không có ý kiến hay đề nghị gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu T do ông Vũ Hồng T3 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 31/5/2010 ông Nguyễn Hữu T và Ngân hàng S chi nhánh Hà Nội ký hợp đồng thế chấp số 01606.10 và các Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 18/11/2010 và ngày 29/2/2012 tại Văn phòng công chứng Vạn Xuân, với nội dung: ông T thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ xã C, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 451736 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 20/8/2002 cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Hữu T đứng thừa kế thừa đất số 374, diện tích 611m² thuộc tờ bản đồ số 8 theo Biên bản họp gia đình đã được UBND xã Cộng Hòa xác nhận ngày 15/3/2020 và được Phòng tài nguyên và môi trường huyện Quốc Oai chấp thuận sang tên ngày 5/4/2010 để đảm bảo cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Công ty L. Ngày 01/6/2010 đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai. Kể từ khi ông T thế chấp diện tích nhà đất trên cho Ngân hàng S cho đến nay thì nhà đất trên không sửa chữa, xây dựng gì. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty L phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng và phát mại tài sản của ông Nguyễn Hữu T thì ông không đồng ý vì lý do đây là tài sản của bố mẹ ông T là cụ H, cụ Đ để lại, là di sản thừa kế của các anh chị em ông T và đang được giải quyết bằng vụ án Chia thừa kế tại Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai. Ông đề

nghi Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai tiếp tục tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết vụ án Chia thừa kế của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hữu Thị L1, Hữu Thị Y do người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Văn Đ trình bày: Bà L1, bà Y là em của ông Nguyễn Hữu T. Bố mẹ bà L1, bà Y là cụ Nguyễn Hữu Đ, cụ Giang Thị H sinh được 4 người con là Nguyễn Hữu T, Hữu Thị L1, Hữu Thị T2, Hữu Thị Y. Cụ Đ chết ngày 12/6/2007, cụ H chết ngày 29/01/1993. Trước khi chết cụ Đ, cụ H đều không để lại di chúc. Cụ Đ, cụ H là chủ sử dụng thửa đất số 374, tờ bản đồ số 8, diện tích 611m² tọa lạc tại xã C, huyện Q, Hà Nội. Trên thửa đất còn tồn tại 1 căn nhà cấp bốn được cụ H, cụ Đ xây dựng từ năm 1979 gồm 5 gian nhà mái ngói. Sau khi cụ Đ, cụ H chết, Ủy ban nhân dân xã Cộng Hòa đã làm thủ tục kê khai thừa kế để đứng tên chủ sử dụng mảnh đất tên ông Nguyễn Hữu T, trong văn bản khai nhận ông T khai mình là “con trai duy nhất” của cụ Đ, cụ H nhưng các cơ quan có thẩm quyền nhầm lẫn ông T là “con duy nhất” nên đã chấp nhận khai nhận di sản thừa kế sang tên ông T. Sau đó ông T dùng khối tài sản này thế chấp cho Ngân hàng S để bảo lãnh cho Công ty L vay tiền. Ông T tự ý làm thủ tục để một mình đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Đ và cụ H, sau đó thế chấp Ngân hàng mà không có sự nhất trí của các đồng thừa kế khác của cụ Đ và cụ H là trái pháp luật. Do không thỏa thuận được việc phân chia di sản thừa kế mà cụ Đ, cụ H để lại nên bà Hữu Thị T2 đã khởi kiện vụ án Chia thừa kế tại Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai. Ngày 10/6/2016 Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai đã thụ lý vụ án Chia thừa kế và hiện nay Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai vẫn đang tiến hành giải quyết vụ án. Do vậy, ông đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai tiếp tục tạm đình chỉ giải quyết vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng để chờ kết quả giải quyết vụ án chia thừa kế của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai. Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2 (Hữu Thị T2) trình bày: Bà có tên thường gọi trên giấy tờ là Nguyễn Thị T2. Bà là em của ông Nguyễn Hữu T. Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Hữu Đ, cụ Giang Thị H sinh được 4 người con là Nguyễn Hữu T, Hữu Thị L1, Hữu Thị T2 và Hữu Thị Y. Cụ Nguyễn Hữu Đ chết ngày 12/6/2007, cụ Giang Thị H chết ngày 29/01/1993. Trước khi chết bố mẹ bà đều không có di chúc để lại. Bố mẹ bà là chủ sử dụng thửa đất số 374, tờ bản đồ số 8, diện tích 611m² tọa lạc tại xã C, huyện Q, tỉnh Hà Tây, nay là thành phố Hà Nội. Mảnh đất này bố mẹ bà được thừa kế từ ông bà nội là cụ Nguyễn Hữu T4 và cụ Dương Thị Q. Ngày 20/8/2002 UBND huyện Quốc Oai đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố mẹ bà (hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Đ). Trên thửa đất hiện nay còn tồn tại 01 căn nhà cấp bốn được cụ H, cụ Đ xây dựng từ năm 1979 gồm 5 gian nhà mái ngói dùng làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên. Căn nhà trên thuộc sở hữu của bố mẹ bà. Năm 1985 bà kết hôn và chuyển đến ở nhà chồng tại địa chỉ cư trú hiện nay. Sau khi bố mẹ bà chết, anh bà là ông Nguyễn Hữu T đã tự ý kê khai để một mình đứng tên chủ sử dụng mảnh đất mà bố mẹ bà để lại. Sau đó ông T dùng khối tài sản này thế chấp cho Ngân hàng S để bảo lãnh cho Công ty L vay tiền Ngân hàng. Hiện nay ông T vẫn đang sinh sống trên mảnh đất trên. Việc ông T tự ý làm thủ tục để một mình

đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Đ và cụ H, sau đó thế chấp Ngân hàng mà không có sự nhất trí của bà. Do không thỏa thuận được việc phân chia thừa kế di sản mà bố mẹ bà để lại nên bà đã khởi kiện vụ án Tranh chấp thừa kế ra Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho bà và các đồng thừa kế khác của bố mẹ bà đối với phần di sản của bố mẹ bà là cụ Nguyễn Hữu Đ, cụ Giang Thị H để lại gồm: quyền sử dụng 611m² đất thuộc thửa đất số 374, tờ bản đồ số 8 và căn nhà 5 gian trên đất tọa lạc tại xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội, đồng thời bà cũng yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P461736 do UBND huyện Quốc Oai cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ, sang tên cho ông Nguyễn Hữu T ngày 05/4/2010. Ngày 10/6/2016 Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai đã thụ lý vụ án Tranh chấp thừa kế và hiện nay vẫn đang tiến hành giải quyết vụ án trên. Vậy, bà đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai ra quyết định tạm đình chỉ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 39/2013/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2013 để chờ kết quả giải quyết vụ án Tranh chấp thừa kế do bà khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai. Ngoài ra, bà không có yêu cầu hay đề nghị gì khác. Trường hợp Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, bà xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, các phiên hòa giải, phiên tòa do Tòa án triệu tập vì bà cho rằng Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại trên là trái pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Danh Thị K trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Hữu T. Bà và ông T có 02 người con là Nguyễn Hữu Đ1 (đã chết năm 2013) và Nguyễn Hữu T1. Gia đình bà đang ở trên thửa đất số 374, tờ bản đồ số 8, diện tích 611m² tại xóm Đ, thôn x, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc thửa đất là của cha ông của ông T để lại và đã được đăng ký sang tên Giấy chứng nhận đứng tên ông Nguyễn Hữu T ngày 05/4/2010. Năm 2010 ông T đứng ra ký hợp đồng thế chấp tài sản là thửa đất nêu trên để đảm bảo cho khoản vay của Công ty L. Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Công ty L phải trả cho Ngân hàng khoản nợ và trường hợp không trả được thì xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất của gia đình bà thì bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đường xá xa xôi nên bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án.

* Ngày 10/01/2023, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai tổ chức việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 373, tờ bản đồ số 08, xóm Đ, thôn x, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 451736 do Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai cấp ngày 20/8/2002 cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ, sang tên ông Nguyễn Hữu T ngày 05/4/2010, thửa đất có diện tích 611m², trên đất có các nhà tạm, nhà xây gạch 01 tầng, sân bê tông và một số cây ăn quả.

* Ngày 30/10/2023 Ngân hàng S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu buộc Công ty L phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi phạt chậm trả lãi theo Khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 5/12/2012 và Khế ước nhận nợ số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012 tính đến ngày 24/10/2023 tổng cộng là 119.387.696 đồng.

* Ngày 15/11/2023 Ngân hàng S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đơn Ngân hàng xác nhận ngày 09/11/2023 ông Nguyễn Hữu T đã nộp số tiền nợ gốc thay cho Công ty L với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng và Ngân hàng cũng đã đồng ý giải chấp tài sản cho ông T nên Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 374, tờ bản đồ số 8, địa chỉ xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 461736, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00522.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai cấp ngày 20/8/2002 cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ, đã sang tên ông Nguyễn Hữu T tại Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Quốc Oai ngày 05/4/2010.

* Tại phiên tòa, Ngân hàng S đề nghị Tòa án giải quyết: buộc Công ty L phải trả Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 29/11/2023 tổng cộng là 4.400.793.232 đồng, trong đó: Khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 5/12/2012 gồm nợ gốc là 0 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.564.758 đồng, tiền lãi quá hạn là 967.718.058 đồng, tổng cộng là 980.282.816 đồng; Khế ước nhận nợ số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012 gồm nợ gốc là 540.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 42.073.041 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.838.437.375 đồng, tổng cộng là 2.880.510.416 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Bị đơn là Công ty L do ông Nguyễn Phùng K là người đại diện theo pháp luật trình bày: Công ty L hiện không có khả năng trả nợ, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu T do ông Vũ Hồng T3 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: ông Nguyễn Hữu T đã nộp cho Ngân hàng S số tiền là 1.200.000.000 đồng thay cho Công ty L và đã được Ngân hàng S trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 461736, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00522.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai cấp ngày 20/8/2002 cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ, đã sang tên ông Nguyễn Hữu T tại Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Quốc Oai ngày 05/4/2010. Ông xin rút các ý kiến đã trình bày trước đây về việc đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết vụ án Chia thừa kế của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai vì đến nay bà Nguyễn Thị T2 cũng đã rút đơn khởi kiện vụ án Chia thừa kế ở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai. Ông đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hữu T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý, xác minh, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và

tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm về thời hạn nhưng là lý do khách quan nên chỉ rút kinh nghiệm tại phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu T chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác chưa thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc buộc Công ty L trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 374, tờ bản đồ số 8, địa chỉ xã C, huyện Q, Hà Nội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc Công ty L phải trả số tiền nợ gốc là 540.000.000 đồng và số tiền lãi suất trong hạn, quá hạn phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2013, nguyên đơn là Ngân hàng S (S) khởi kiện đối với bị đơn là Công ty L, có trụ sở tại Phòng 1202, CT4C, X2, B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 5L43/HĐHM-PN/SHBHN ngày 12/3/2012 và các khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 05/12/2012, số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012 mà Công ty L đã ký với Ngân hàng nhằm mục đích vay vốn phục vụ hoạt động kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Danh Thị K, anh Nguyễn Hữu T1, chị Đinh Thị H (anh T1, chị H đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thị H1, cháu Nguyễn Ngọc Ngân D, cháu Nguyễn Hữu C), bà Nguyễn Hữu T2 (Hữu Thị T2), bà Hữu Thị L1, bà Hữu Thị Y (bà L1, bà Y do ông Bùi Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền) đều vắng mặt. Bà Danh Thị K và bà Nguyễn Hữu T2 (Hữu Thị T2) đã có lời khai đề nghị được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Anh Nguyễn Hữu T1, chị Đinh Thị H (anh T1, chị H đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thị H1, cháu Nguyễn Ngọc Ngân D, cháu Nguyễn Hữu C), bà Hữu Thị L1, bà Hữu Thị Y (bà L1, bà Y do ông Bùi Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền) đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K, anh T1, chị H, bà T2, bà L1, bà Y (bà L1, bà Y do ông Bùi Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền).

[3] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi: Ngày 30/10/2023 Ngân hàng S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đòi Công ty L trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi của Khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 05/12/2012 và Khế ước nhận nợ số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012 tính đến ngày 24/10/2023 tổng cộng là 119.387.696 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi Công ty L phải trả tiền lãi phạt chậm trả lãi trên.

[4] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Ngày 12/3/2012, bên cho vay là Ngân hàng S Chi nhánh Hà Nội và bên vay là Công ty L ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 5L43/HĐHM-PN/SHBHN thỏa thuận về các nội dung chủ yếu sau: giá trị hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng (từ ngày 12/3/2012 đến ngày 12/3/2013); thời hạn của mỗi khoản vay được quy định tại Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 4 tháng; lãi suất vay trong hạn: tùy thuộc từng thời điểm giải ngân vốn vay và phương án sử dụng vốn cụ thể của bên vay, lãi suất vay được áp dụng theo quy định của bên cho vay trong từng thời kỳ, lãi suất vay được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn; cách tính lãi: tiền lãi vay được tính trên cơ sở dư nợ và thời gian vay thực tế, kể cả thời gian gia hạn nợ vay theo quy định của Hợp đồng này, tiền lãi vay được tính trên cơ sở một tháng 30 ngày, một năm 360 ngày; Biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là giá trị quyền sở hữu nhà ở tại căn hộ số 1202 CT4C, khu nhà ở B, phường H, quận H, Hà Nội và giá trị quyền sử dụng đất tại xã C, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội); Trả nợ gốc: nợ gốc có thể trả một lần hoặc nhiều lần theo Lịch trả nợ trong từng Khế ước nhận nợ; Trả nợ lãi vay: bên vay trả lãi 01 tháng 1 lần vào ngày 25; Chuyển nợ quá hạn: khi bên vay không thanh toán các khoản nợ gốc/lãi đúng hạn, kỳ hạn.

Xét hợp đồng tín dụng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[5] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng hạn mức, Ngân hàng S Chi nhánh Hà Nội đã cấp tín dụng cho Công ty L theo nhiều khế ước nhận nợ, trong đó có khế ước đã tất toán, không có tranh chấp. Ngân hàng Syêu cầu Công ty L phải trả số tiền nợ gốc theo 02 Khế ước nhận nợ gồm:

Khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 05/12/2012: Ngân hàng cho Công ty L vay số tiền là 500.000.000 đồng theo phương thức chuyển khoản; mục đích sử dụng vốn: để thanh toán Hợp đồng mua bán số 1011/2012-HL ngày 10/11/2012 với bên bán là Công ty cổ phần Blue Way; thời hạn vay là 04 tháng,

ngày rút vốn: 05/12/2012, ngày đến hạn: 05/4/2013; lãi suất cho vay: 13%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ mức lãi suất cao nhất trả lãi sau kỳ hạn 06 tháng của S tại thời điểm điều chỉnh + tối thiểu 6,1%/năm; Phương thức trả nợ: trả gốc cuối kỳ, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Toàn bộ số tiền gốc đã được Ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng theo đúng thỏa thuận.

Khế ước nhận nợ số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012, Ngân hàng cho Công ty L vay số tiền là 1.300.000.000 đồng bằng phương thức chuyển khoản; mục đích sử dụng vốn: thanh toán Hợp đồng mua bán số 1112/2012-QO ngày 11/12/2012 với bên bán là Công ty cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Quốc Oai; thời hạn vay: 04 tháng, ngày rút vốn: 22/12/2012, ngày đến hạn: 22/4/2013; lãi suất cho vay: 13%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ mức lãi suất cao nhất trả lãi sau kỳ hạn 06 tháng của S tại thời điểm điều chỉnh + tối thiểu 6,1%/năm; Phương thức trả nợ: trả gốc cuối kỳ, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Toàn bộ số tiền gốc đã được Ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng theo đúng thỏa thuận.

Như vậy, tổng số tiền gốc mà Công ty L đã được vay theo 02 khế ước nhận nợ nêu trên là 1.800.000.000 đồng. Tại thời điểm khởi kiện, tổng số tiền gốc Công ty L đã trả được là 60.000.000 đồng, gồm: khế ước nhận nợ ngày 05/12/2012, trả 60.000.000 đồng, còn lại: 440.000.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 22/12/2012, trả 0 đồng, còn lại: 1.300.000.000 đồng. Tổng số nợ gốc Công ty L chưa trả tính đến ngày khởi kiện là 1.740.000.000 đồng.

Do ngày 09/11/2023, bên bảo đảm là ông Nguyễn Hữu T đã trả cho Ngân hàng S thay cho Công ty L số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, nên đến nay đối với Khế ước nhận nợ ngày 05/12/2012 còn lại 0 đồng nợ gốc, Khế ước nhận nợ ngày 22/12/2012 còn lại 540.000.000 đồng nợ gốc.

Nay Ngân hàng S yêu cầu Công ty L trả số nợ gốc tính đến ngày 29/11/2023 là 540.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, buộc Công ty L phải trả Ngân hàng S số nợ gốc là 540.000.000 đồng.

[6] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Căn cứ Bảng kê tính lãi do Ngân hàng S cung cấp, Tòa án xác định việc trả tiền lãi của Công ty L tính đến ngày 29/11/2023 như sau:

Khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 05/12/2012, số tiền lãi đã trả là 9.756.105 đồng, tiền phí phạt chậm trả là 44.421 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 06/4/2013, số tiền lãi trong hạn chưa trả là 12.564.758 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 967.718.058 đồng.

Khế ước nhận nợ số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012, số tiền lãi đã trả là 15.961.096 đồng, tiền phí phạt chậm trả là 3.530 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 23/4/2013, số tiền lãi trong hạn chưa trả là 42.073.041 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 2.838.437.375 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 29/11/2023 Công ty L chưa trả số tiền lãi trong hạn theo 02 khế ước nhận nợ trên là: 12.564.758 đồng + 42.073.041 đồng = 54.637.799 đồng và chưa trả số tiền lãi quá hạn theo 02 khế ước nhận nợ trên là: 967.718.058 đồng + 2.838.437.375 đồng = 3.806.155.433 đồng.

Xét thấy, tại các khế ước nhận nợ, các bên đều thỏa thuận lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/01 lần và lãi suất cho vay của các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ mức lãi suất cao nhất trả lãi sau kỳ hạn 06 tháng của S tại thời điểm điều chỉnh + tối thiểu 6,1%/năm. Ngân hàng giao nộp đầy đủ các quyết định về việc ban hành biểu lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ. Tòa án đã kiểm tra, xác định Ngân hàng tính số tiền lãi trong hạn, quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, quyết định ban hành lãi suất. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, buộc Công ty L phải trả số tiền lãi tính đến ngày 29/11/2023 gồm: tiền lãi trong hạn là 54.637.799 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.806.155.433 đồng, tổng cộng là 3.860.793.232 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về yêu cầu xử lý đối với tài sản bảo đảm: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng S yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 374, tờ bản đồ số 8, diện tích 611m², địa chỉ xã C, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hữu T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 461736, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00522.QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai cấp ngày 20/8/2002 cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Hữu T đứng thừa kế theo Biên bản họp gia đình đã được UBND xã Cộng Hòa xác nhận ngày 15/3/2010 và được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quốc Oai chấp thuận sang tên ngày 05/4/2020, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 01606.10, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/5/2010, Phụ lục Hợp đồng thế chấp số công chứng 03660.10, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/11/2010, Phụ lục Hợp đồng thế chấp số công chứng 00425.12, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/02/2012. Tài sản đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai ngày 01/6/2010.

Do ngày 09/11/2023 ông Nguyễn Hữu T đã thanh toán số tiền nợ gốc thay cho Công ty L với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng, nên Ngân hàng đã trả bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T để làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp và rút yêu cầu xử lý đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên của ông Nguyễn Hữu T. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý đối với tài sản bảo đảm nêu trên của ông T.

[8] Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T2 (Hữu Thị T2) đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai tạm đình chỉ vụ án để chờ kết quả giải quyết vụ án Chia thừa kế của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai vì bà đã khởi kiện ông

Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng 611m² đất thuộc thửa đất số 374, tờ bản đồ số 8 và căn nhà 5 gian trên đất tại địa chỉ xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội và ngày 10/6/2016 Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai đã thụ lý vụ án nêu trên. Xét thấy, do nay nguyên đơn là Ngân hàng S đã rút yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên. Hơn nữa, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T trình bày hiện nay bà Nguyễn Thị T2 đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện vụ án chia thừa kế tại Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai nên ông xin rút các ý kiến đã trình bày trước đây. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Do vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên căn cứ khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cần áp dụng quy định về án phí tại Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009 và các văn bản liên quan để tính án phí đối với giá trị tài sản có tranh chấp trong vụ án. Cụ thể, căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, điểm e khoản 3 Mục 1 Phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh, Công ty L phải trả tổng số tiền là 4.400.793.232 đồng, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.400.793 đồng.

Ngân hàng S được trả lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 35.000.000 đồng.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, Ngân hàng S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và điểm e khoản 3 Mục 1 Phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTM ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Đình chỉ xét xử các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Sgồm:

1.1. Yêu cầu đòi Công ty L phải trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 5L43/HĐHM-PN/SHBHN ngày 12/3/2012, Khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 05/12/2012, Khế ước nhận nợ số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012 tính đến ngày 24/10/2023 tổng cộng là 119.387.696 đồng.

1.2. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 374, tờ bản đồ số 8, diện tích 611m², địa chỉ xã C, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P461736, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00522.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai cấp ngày 20/8/2002 cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Hữu T đứng thừa kế theo biên bản họp gia đình đã được Ủy ban nhân dân xã Cộng Hòa xác nhận ngày 15/3/2010 và được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quốc Oai chấp thuận sang tên ngày 05/4/2020.

2. Xử:

2. 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc đòi Công ty L trả số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 5L43/HĐHM-PN/SHBHN ngày 12/3/2012, Khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 05/12/2012, Khế ước nhận nợ số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012.

2.2. Buộc Công ty L phải trả Ngân hàng S số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 5L43/HĐHM-PN/SHBHN ngày 12/3/2012, Khế ước nhận nợ số 5L43/KU9/SHBHN ngày 05/12/2012, Khế ước nhận nợ số 5L43/KU10/SHBHN ngày 22/12/2012 tính đến ngày 29/11/2023 là 4.400.793.232 đồng (Bốn tỷ, bốn trăm triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng), gồm:

Nợ gốc là: 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng).

Tiền lãi trong hạn là: 54.637.799 đồng (Năm mươi tư triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng).

Tiền lãi quá hạn là: 3.806.155.433 đồng (Ba tỷ, tám trăm linh sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng).

2.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4. Về án phí:

- Trả lại Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0008552 ngày 30/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Công ty L phải chịu 112.400.793 đồng (Một trăm mười hai triệu, bốn trăm nghìn, bảy trăm chín mươi ba đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.5 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận Ngân hàng S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.7. Ngân hàng S, Công ty L, ông Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Danh Thị K, anh Nguyễn Hữu T1, chị Đinh Thị H (anh T1, chị H đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thị H1, cháu Nguyễn Ngọc Ngân D, cháu Nguyễn Hữu C), bà Hữu Thị L1, bà Hữu Thị Y, bà Nguyễn Thị T2 (Hữu Thị T2) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh